

+ Java Cơ Bản

+ Các Khái Niệm Java OOPs

+ Java String

- String là gì
- Immutable String
- So sánh String
- Nội String
- Sub-String
- Phương thức của lớp String
- Lớp StringBuffer
- Lớp StringBuilder**
- String vs StringBuffer
- StringBuffer vs Builder
- Tạo lớp Immutable
- toString method
- Lớp StringTokenizer

+ Phương thức Java String

- String charAt()
- String compareTo()
- String concat()
- String contains()
- String endsWith()
- String equals()
- equalsIgnoreCase()
- String format()
- String getBytes()
- String getChars()
- String indexOf()
- String intern()
- String isEmpty()
- String join()
- String lastIndexOf()
- String length()
- String replace()
- String replaceAll()
- String split()
- String startsWith()
- String substring()
- String toCharArray()
- String toLowerCase()
- String toUpperCase()
- String trim()
- String valueOf()

+ Xử Lý Ngoại Lệ

Lớp StringBuilder trong java

☺ Lớp StringBuffer trong java

Sự khác nhau giữa String và StringBuffer trong java ☺

Nội dung chính:

Lớp StringBuilder trong java

Các Constructor quan trọng của lớp StringBuilder trong java

Các phương thức của lớp StringBuilder trong java

Các ví dụ về lớp StringBuilder trong java

- 1) Phương thức append() của lớp StringBuilder trong java
- 2) Phương thức insert() của lớp StringBuilder trong java
- 3) Phương thức replace() của lớp StringBuilder trong java
- 4) Phương thức delete() của lớp StringBuilder trong java
- 5) Phương thức reverse() của lớp StringBuilder trong java
- 6) Phương thức capacity() của lớp StringBuilder trong java
- 7) Phương thức ensureCapacity() của lớp StringBuilder trong java

Lớp StringBuilder trong java

Trong java, lớp StringBuilder được sử dụng để tạo chuỗi có thể thay đổi (mutable). Lớp StringBuilder trong java tương tự như lớp StringBuffer ngoại trừ nó không đồng bộ(non-synchronized).

Các Constructor quan trọng của lớp StringBuilder trong java

1. **StringBuilder()**: Tạo ra một Builder chuỗi với dung lượng ban đầu là 16.
2. **StringBuilder(String str)**: Tạo ra một Builder chuỗi với chuỗi cụ thể.
3. **StringBuilder(int capacity)**: Tạo ra một Builder chuỗi với dung lượng được chỉ định như độ dài chuỗi.

Các phương thức của lớp StringBuilder trong java

1. **public StringBuilder append(String s)**: được sử dụng để nối thêm các chuỗi được chỉ định với chuỗi này. Các phương thức append() được nạp chồng như append(char), append(boolean), append(int), append(float), append(double), ...
2. **public StringBuilder insert(int offset, String s)**: được sử dụng để chèn chuỗi chỉ định với chuỗi này tại vị trí quy định. Các phương thức insert() được nạp chồng như insert(int, char), insert(int, boolean), insert(int, int), insert(int, float), insert(int, double), ...
3. **public StringBuilder replace(int startIndex, int endIndex, String str)**: được sử dụng để thay thế chuỗi từ vị trí startIndex đến endIndex bằng chuỗi str.
4. **public StringBuilder delete(int startIndex, int endIndex)**: được sử dụng để xóa chuỗi từ vị trí startIndex đến endIndex.

Recent Updates

- ☺ Đọc file CSV trong Python
- ☺ Lệnh DELETE MySQL trong Python
- ☺ Lệnh UPDATE MySQL trong Python
- ☺ Lệnh SELECT MySQL trong Python
- ☺ Lệnh INSERT MySQL trong Python
- ☺ Cài đặt môi trường MySQL cho Python
- ☺ Tạo bảng MySQL trong Python
- ☺ Tạo new database MySQL trong Python
- ☺ Kết nối Python với MySQL
- ☺ Trừu tượng dữ liệu trong Python
- ☺ Ghi đè phương thức trong Python - Method Overriding
- ☺ Kế thừa trong Python

VietTuts on facebook



Bạn và 1 người bạn khác thích nội dung này



vimeo

Engineered
to drop
jaws.

Learn More

5. **public StringBuilder reverse()**: được sử dụng để đảo ngược chuỗi.
6. **public int capacity()**: được sử dụng để trả về dung lượng hiện tại.
7. **public void ensureCapacity(int minimumCapacity)**: được sử dụng để đảm bảo dung lượng ít nhất bằng mức tối thiểu nhất định.
8. **public char charAt(int index)**: được sử dụng trả về ký tự tại vị trí quy định.
9. **public int length()**: được sử dụng trả về chiều dài của chuỗi nghĩa là tổng số ký tự.
10. **public String substring(int beginIndex)**: được sử dụng trả về chuỗi con bắt đầu từ vị trí được chỉ định.
11. **public String substring(int beginIndex, int endIndex)**: được sử dụng trả về chuỗi con với vị trí bắt đầu và vị trí kết thúc được chỉ định.

Các ví dụ về lớp StringBuilder trong java

Dưới đây là các ví dụ về các phương thức của lớp StringBuilder trong java

1) Phương thức append() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức append() của lớp StringBuilder nối thêm tham số vào cuối chuỗi.

```
public class StringBuilderExam1 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder("Hello ");  
        sb.append("Java");//đến đây chuỗi ban đầu đã bị thay đổi  
        System.out.println(sb);//in Hello Java  
    }  
}
```

2) Phương thức insert() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức insert() của lớp StringBuilder chèn chuỗi vào chuỗi này từ vị trí quy định.

```
public class StringBuilderExam2 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder("Hello ");  
        sb.insert(1, "Java");//đến đây chuỗi ban đầu đã bị thay đổi  
        System.out.println(sb);//in -> HJavaello  
    }  
}
```

3) Phương thức replace() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức replace() của lớp StringBuilder thay thế chuỗi bằng chuỗi khác từ vị trí bắt đầu và kết thúc được quy định.

```
public class StringBuilderExam3 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder("Hello");  
        sb.replace(1, 3, "Java");  
        System.out.println(sb);//in -> HJavallo  
    }  
}
```

4) Phương thức delete() của lớp StringBuilder trong java

4) Phương thức delete() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức replace() của lớp StringBuilder xóa chuỗi từ vị trí bắt đầu và kết thúc được quy định.

```
public class StringBuilderExam4 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder("Hello");  
        sb.delete(1, 3);  
        System.out.println(sb);//in -> Hlo  
    }  
}
```

5) Phương thức reverse() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức reverse() của lớp StringBuilder đảo ngược chuỗi hiện tại.

```
public class StringBuilderExam5 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder("Hello");  
        sb.reverse();  
        System.out.println(sb);//in -> olleH  
    }  
}
```

6) Phương thức capacity() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức capacity() của lớp StringBuilder trả về dung lượng của bộ nhớ đệm. Dung lượng mặc định của bộ nhớ đệm là 16. Nếu số lượng ký tự của chuỗi tăng lên thì dung lượng được tính theo công thức (dung lượng cũ*2)+2. Ví dụ: Nếu dung lượng hiện tại là 16, nó sẽ tăng lên $(16*2)+2=34$.

```
public class StringBuilderExam6 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder();  
        System.out.println(sb.capacity());//mặc định là 16  
        sb.append("Hello");  
        System.out.println(sb.capacity());//đến đây vẫn là 16  
        sb.append("java is my favourite language");  
        System.out.println(sb.capacity());//đến đây là  $(16*2)+2=34$  i.e (dung lượng cũ  
    }  
}
```

7) Phương thức ensureCapacity() của lớp StringBuilder trong java

Phương thức ensureCapacity() của lớp StringBuilder đảm bảo rằng dung lượng đã cho là tối thiểu với dung lượng hiện tại. Nếu nó lớn hơn dung lượng hiện tại, dung lượng hiện tại được tăng theo công thức (dung lượng cũ*2)+2. Ví dụ, dung lượng hiện tại là 16, nó sẽ tăng lên là $(16*2)+2=34$.

```
public class StringBuilderExam7 {  
    public static void main(String args[]) {  
        StringBuilder sb = new StringBuilder();  
        System.out.println(sb.capacity());//mặc định là 16  
        sb.append("Hello");  
        System.out.println(sb.capacity());//đến đây là 16  
        sb.append("java is my favourite language");  
    }  
}
```

Giường Gỗ 3.200.000 VNĐ
(Free Lắp Đặt Tại tphcm)



0 bình luận

Sắp xếp theo

Cũ nhất ↕



Thêm bình luận...

 Plugin bình luận trên Facebook

Danh sách bài học

[Học java](#)
[Học servlet](#)
[Học jsp](#)
[Học Hibernate](#)
[Học Struts2](#)
[Học Spring](#)
[Học SQL](#)

Câu hỏi phỏng vấn

[201 câu hỏi phỏng vấn java](#)
[25 câu hỏi phỏng vấn servlet](#)
[75 câu hỏi phỏng vấn jsp](#)
[52 câu hỏi phỏng vấn Hibernate](#)
[70 câu hỏi phỏng vấn Spring](#)
[57 câu hỏi phỏng vấn SQL](#)

About VietTuts.Vn

Hệ thống bài học trên VietTuts.Vn bao gồm các bài lý thuyết và thực hành về các công nghệ java và công nghệ web. Các bài lý thuyết trên hệ thống VietTuts.Vn được tham khảo và tổng hợp từ các trang <http://javatpoint.com>, <http://www.tutorialspoint.com>, <http://docs.oracle.com/en> ...